Phụ lục 25
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ KIÊN LƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 14, 55, 56, 91, 109, 110, 111, 114, 115, 116 Phụ lục 25 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL25 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	114	Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m	360	Sửa tên đường (Tên cũ: Tuyến đường có nền đường ≥ 3m, được trải bê tông hoặc nhựa)
2	115	Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m	240	Sửa tên đường (Tên cũ: Tuyến đường có nền đường < 3m, được trải bê tông hoặc nhựa)
II	**BỔ SUNG**			
1		Khu tái định cư cảng cá Ba Hòn		
	57	Từ cuối vị trí 2 - Trần Hưng Đạo đi thẳng đến cuối đường	1.300	

TT	Số TT PL25 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
	58	Từ ngã rẽ về Nhà máy gạch Tuynen - Hết đường (tái định cư cảng cá)	910	
		- Các nền còn lại (bố trí tái định cư)		
		+Từ cuối vị trí 2 - Trần Hưng Đạo đi thẳng đến cuối đường	1.300	Bổ sung
		+Từ ngã rẽ về Nhà máy gạch Tuynen - Hết đường (tái định cư cảng cá)	910	Bổ sung

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL25 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
I		**Xã Kiên Lương (TT Kiên Lương, xã Bình An, xã Bình Trị cũ)**		**Bổ sung tên đường**
II		**Giáp đường Quốc Lộ 80, Đường ĐT. 971, Đường tránh Kiên Lương, Đường ĐT.961B (đường ven biển từ Hòn Đất - Kiên Lương)**		**Bổ sung tên đường**
1		Đất trồng cây lâu năm	93	Bổ sung
2		Đất trồng cây hàng năm	87	Bổ sung
3		Đất nuôi trồng thủy sản	78	Bổ sung
4		Đất rừng sản xuất	60	Bổ sung